

Số: /QĐ-STP

Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Sở Tư pháp Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 2234/TB-STC ngày 26/4/2024 của Sở Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Sở Tư pháp Thanh Hóa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, trưởng các phòng thuộc Sở và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Bùi Đình Sơn

Đơn vị: Sở Tư pháp Thanh Hóa

Chương: 414

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số 103/QĐ-STP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Sở Tư pháp Thanh Hóa)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Quyết toán thu			
I	Số thu phí, lệ phí	9.752.625.000	9.752.625.000	
	Số thu phí	9.741.025.000	9.741.025.000	
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp	13.000.000	13.000.000	
	Phí sử dụng thông tin trong CSDL hộ tịch	600.000	600.000	
	Phí sử dụng thông tin (cấp phiếu LLTP)	9.727.425.000	9.727.425.000	
	Số thu lệ phí	11.600.000	11.600.000	
	Lệ phí cấp mới cấp lại thẻ công chứng viên	4.000.000	4.000.000	
	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	600.000	600.000	
	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	4.500.000	4.500.000	
	Lệ phí quốc tịch	2.500.000	2.500.000	
II	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.472.313.750	1.472.313.750	
	Số thu phí nộp NSNN	1.460.713.750	1.460.713.750	
	Số thu lệ phí nộp NSNN	11.600.000	11.600.000	
III	Chi cho các cơ quan phối hợp xác minh (TT LLTP, TT phục vụ hành chính công, công an tỉnh...)	5.555.848.029	5.555.848.029	
IV	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
	Dư năm 2022 nguồn thu phí chuyển sang năm 2023	950.874.069	950.874.069	
	Sau khi trích nộp NSNN và chi trả cho các cơ quan phối hợp xác minh, nguồn thu phí còn lại bổ sung nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ năm 2023	2.724.463.221	2.724.463.221	
	Chi quản lý hành chính kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.275.437.231	2.275.437.231	
	Trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023	980.448.014	980.448.014	
	Dư năm 2023 nguồn thu phí chuyển sang năm 2024	419.452.045	419.452.045	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15.192.427.589	15.192.427.589	
1	Chi quản lý hành chính	12.095.512.589	12.095.512.589	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.458.178.266	9.458.178.266	
	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	2.637.334.323	2.637.334.323	
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	2.172.000.000	2.172.000.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.172.000.000	2.172.000.000	
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	599.000.000	599.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	300.000.000	300.000.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	299.000.000	299.000.000	
4	Chi hoạt động kinh tế	325.915.000	325.915.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	325.915.000	325.915.000	

